TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. LIÊN CHIỂU – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **64**/2022/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 14 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 282/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Ông Lê T,** sinh năm 1963.
- **Bà Võ Thị S**, sinh năm 1966.

Cùng trú tại: K80/16 đường N, phường B, quận L, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê T và bà Võ Thị S kết hôn năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung về mọi vấn đề trong cuộc sống. Nhiều lần đã cố gắng hàn gắn để gia đình đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên ông bà có nguyện vọng đề nghị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê T và bà Võ Thị S xác nhận có 02 con chung là Lê V – sinh ngày 16/06/1991 và Lê Phương D – sinh ngày 07/04/1999. Các con đã đủ 18 tuổi nên ông Lê T và bà Võ Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Ông Lê T và bà Võ Thị S không yêu cầu giải quyết tài sản chung, xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Xét thấy: Hôn nhân giữa ông Lê T và bà Võ Thị S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai tự nguyện ly hôn. Việc thỏa thuận của ông Lê T và bà Võ Thị S là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của

luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của ông Lê T và bà Võ Thị S về việc yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn".

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê T và bà Võ Thị S thống nhất thuận tình ly hôn.

1.2 Về quan hệ con chung: Ông Lê T và bà Võ Thị S xác nhận có 02 con chung là Lê V – sinh ngày 16/06/1991 và Lê Phương D – sinh ngày 07/04/1999. Các con đã đủ 18 tuổi nên ông Lê T và bà Võ Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Ông Lê T và bà Võ Thị S không yêu cầu giải quyết tài sản chung, xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Lê T và bà Võ Thị S chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0005473 ngày 13 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê T và bà Võ Thị S đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND xã Q, huyện Q;
Tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Trinh